

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LỢI
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25/3/2024

V/v ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoàng Yến

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Văn Vĩnh
2. Bà Lê Ngọc Kiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhựt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Châu Ngọc Hạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 259/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2023 về ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Ngọc D**, sinh năm 1980. Địa chỉ: **Ấp M, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu**. Chỗ ở hiện nay: **Ấp G, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu** (Có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Ông **Lê Minh Đ**, sinh năm 1980. Địa chỉ: **Ấp M, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu** (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/11/2023, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn bà **Trần Ngọc D**, trình bày: Bà và ông **Lê Minh Đ** xây dựng hôn nhân năm 1999, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương. Đến năm 2008, đăng ký kết hôn tại **UBND xã V, Huyện V, tỉnh Bạc số 119/2008** ngày 16/08/2008. Nguyên nhân ly hôn là do cuộc sống vợ chồng có nhiều bất đồng ý kiến, thường xuyên cự cãi, không có tiếng nói chung, không còn tình cảm nên chung sống không hạnh phúc, ông **Đ** thường xuyên bỏ nhà đi, không chăm lo cho vợ con. Vợ chồng bà đã sống ly thân 01 năm nay, không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm. Nay bà nhận thấy bà và ông **Đ** không thể tiếp tục chung sống với nhau nên bà yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn với ông **Đ**, không yêu cầu đoàn tụ.

Vợ chồng bà có 02 con chung tên:

1. Lê Thị Mỹ Tiên sinh ngày 25/11/1999

2. **Lê Minh Đ1** sinh ngày 08/10/2003

Do các con đã trưởng thành nên bà **D** không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng bà chung sống có 01 căn nhà trên đất của cha mẹ chồng nhưng nhà đã cũ, phá bỏ nên hiện nay không còn tài sản gì. Vợ chồng từ khi cưới nhau chỉ đi làm thuê nuôi con ăn học nên không tạo lập được tài sản gì có giá trị. Vợ chồng bà chung sống không có thiếu nợ ai và cũng không ai thiếu nợ vợ chồng bà.

Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu đã nhiều lần trực tiếp đến nhà ông **Lê Minh Đ** để tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông **Đ** không đến Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu theo giấy mời nên không ghi nhận được ý kiến của ông **Đ** đối với yêu cầu khởi kiện của bà **D**.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến giải quyết vụ án về nội dung như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **Trần Ngọc D** đối với ông **Lê Minh Đ**. Do cháu **T** và cháu **Đ1** đã trưởng thành nên bà **D** không yêu cầu về con chung nên không xem xét, giải quyết. Tài sản chung, nợ chung không có, không xem xét, giải quyết. Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch bà **D** phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà **Trần Ngọc D** yêu cầu ly hôn với ông **Lê Minh Đ**, hiện nay ông **Đ** đang cư trú tại **ấp M, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu** nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà **Trần Ngọc D** và ông **Lê Minh Đ** chung sống và có đăng ký kết hôn và được **Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu**. Do đó, có cơ sở xác

định quan hệ hôn nhân giữa bà **D** và ông **Đ** là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.”

[4] Theo kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của Trưởng **ấp M, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu** xác định bà **D** và ông **Đ** đã sống ly thân khoảng một năm nay. Theo bà **D** xác định vợ chồng chung sống với nhau nhưng không có tình cảm, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống chung không có hạnh phúc, vợ chồng bà đã sống ly thân một năm nay, không có biện pháp gì để hàn gắn. Từ đó, có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa bà **D** và ông **Đ** đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **D** đối với ông **Đ**.

[3] Về con chung: Bà **D** và ông **Đ** có 2 người con chung tên **Lê Thị Mỹ T1**, sinh ngày 25/11/1999 và **Lê Minh Đ1**, sinh ngày 08/10/2003. Do 02 cháu đã trưởng thành nên bà **D** không yêu cầu xem xét, giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Theo bà **D** trình bày vợ chồng hiện tại không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch bà **D** phải chịu theo quy định pháp luật.

[6] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, 36 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và mục A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016).

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **Trần Ngọc D** đối với ông **Lê Minh Đ**. Xử cho bà **Trần Ngọc D** ly hôn với ông **Lê Minh Đ**.

2. Về con chung: Bà **Trần Ngọc D** và ông **Lê Minh Đ** có 2 người con chung tên **Lê Thị Mỹ T1**, sinh ngày 25/11/1999 và **Lê Minh Đ1**, sinh ngày 08/10/2003. Do 02 cháu đã trưởng thành nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch bà **Trần Ngọc D** phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Bà **D** đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003793 ngày 04/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Lợi;
- UBND xã Vĩnh Hưng A, Vĩnh Lợi, Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Hoàng Yến

